

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/TCDS - ST

Ngày: 10-5-2023

“V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Quốc Mậu.

2. Ông Nguyễn Công Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-TCDS ngày 09 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-TCDS ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-TCDS ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1989.

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Xóm Thượng, xã Liên Minh, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn Định Trạch, xã Liên Bảo, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên có mặt chị Th; vắng mặt anh M không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 30-11-2022, bản tự khai ngày 11-12-2022 và lời khai trong suốt quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Bùi Thị Th trình bày:

Do chị và anh Nguyễn Văn M có quen biết với nhau nên từ tháng 12-2018 đến tháng 12-2020 chị có cho anh Nguyễn Văn M vay tổng số tiền là:

456.000.000đ (Bốn trăm năm mươi sáu triệu đồng), cụ thể các lần chị đã cho anh M vay như sau:

- Ngày 05-12-2018, chị cho anh M vay số tiền là: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và khi cho vay hai bên có lập Hợp đồng cho vay tiền, thời hạn cho vay là từ ngày 05-12-2018 đến ngày 05-12-2019, mục đích vay tiền là để làm ăn.

- Ngày 05-9-2019, chị cho anh M vay số tiền là: 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và khi cho vay hai bên có lập Hợp đồng cho vay tiền, thời hạn cho vay là từ ngày 05-9-2019 đến ngày 05-10-2019, mục đích vay tiền là để làm ăn.

- Và từ tháng 11-2020 đến tháng 12-2020 anh M cần tiền để sửa sang quán anh M thuê để bán bia ở thôn Đắc Lực, xã Liên Bảo, huyện V, tỉnh Nam Định thì anh M lại tiếp tục vay tiền của chị 08 lần nữa với số tiền là: 86.000.000 (Tám mươi sáu triệu) và chị đã 08 lần dùng tài khoản số 13001015759596 của chị mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Nam Định để chuyển khoản tiền vào tài khoản số 13068015996666 của anh M cũng mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Nam Định để cho anh M vay, cụ thể các lần chị đã chuyển khoản tiền cho anh M vay như sau: Ngày 13-11-2020 số tiền là: 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng). Ngày 14-11-2020 số tiền là: 9.000.000đ (Chín triệu đồng). Ngày 16-11-2020 số tiền là: 25.000.000đ (Hai mươi năm triệu đồng). Ngày 29-11-2020 số tiền là: 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Ngày 04-12-2020 số tiền là: 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Ngày 16-12-2020 số tiền là: 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 23-12-2020 số tiền là: 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Ngày 25-12-2020 số tiền là: 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Toàn bộ số tiền chị đã cho anh M vay nêu trên thì giữa chị và anh M không có thỏa thuận gì với nhau về lãi suất và việc chị cho anh M vay tiền nêu trên là chị cho cá nhân anh M vay chứ chị không cho vợ anh M vay nên vợ của anh M không có liên quan gì đến số tiền anh M còn nợ của chị; về số tiền chị cho anh M vay là tiền của cá nhân chị, chồng của chị không có liên quan gì đến số tiền đó.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay tiền, anh M đã 08 lần chuyển khoản tiền để trả nợ cho chị được tổng số tiền là: 24.200.000đ (Hai mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng), cụ thể các lần anh M đã chuyển khoản tiền trả nợ cho chị như sau: Ngày 22-11-2020 số tiền là: 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Ngày 26-11-2020 số tiền là: 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Ngày 28-11-2020 số tiền là: 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Ngày 02-12-2020 số tiền là: 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Ngày 7-12-2020 số tiền là: 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Ngày 16-12-2020 số tiền là: 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Ngày

18-12-2020 số tiền là: 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng). Ngày 25-12-2020 số tiền là: 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Tính đến nay, anh M còn nợ của chị tổng số tiền gốc vay là: 431.800.000 (Bốn trăm ba mươi một triệu tám trăm nghìn đồng); cụ thể: Nợ của Hợp đồng cho vay tiền ngày 05-12-2018 là 300.000.000 đồng; nợ của Hợp đồng cho vay tiền ngày 05-09-2019 là 70.000.000 đồng và nợ trong số tiền chị chuyển khoản cho anh M vay là: 61.800.000 đồng.

Sau khi anh M không tiếp tục trả nợ cho chị thì chị đã nhiều lần yêu cầu anh M trả nợ cho chị toàn bộ số tiền anh M còn nợ gốc vay của chị, nhưng anh M không có bất cứ động thái gì trong việc trả nợ cho chị cả.

Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị, chị khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc anh Nguyễn Văn M phải trả nợ cho chị số tiền gốc vay anh M còn nợ của chị là: 431.800.000 (Bốn trăm ba mươi một triệu tám trăm nghìn đồng) và chị không yêu cầu anh M phải trả tiền lãi suất cho chị.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn M: Trong quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, ngày 29-12-2022 anh M có đến Tòa án và có đơn xin sao chụp tài liệu, chứng cứ của chị Bùi Thị Th đã giao nộp cho Tòa án gồm: Đơn khởi kiện, các hợp đồng cho vay tiền và bản sao kê tài khoản. Nhưng sau đó Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo cho anh M đến Tòa án để làm việc và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng anh M đều vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án làm việc lần nào và anh M cũng không có bất cứ ý kiến hoặc quan điểm gì bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 23-3-2023, đại diện UBND xã Liên Bảo, huyện V, tỉnh Nam Định cung cấp: Anh Nguyễn Văn M có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Định Trạch, xã Liên Bảo, huyện V, tỉnh Nam Định và hiện nay anh M vẫn đang sinh sống cùng với gia đình tại thôn Định Trạch, xã Liên Bảo, huyện V, tỉnh Nam Định. Về việc vay nợ giữa anh M và chị Th thì địa phương không nắm bắt được gì, vì đây là việc vay nợ giữa cá nhân với nhau, mặt khác thì chị Th cũng không có đơn từ gì trình báo với chính quyền địa phương về nội dung này.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử, của Thư ký Tòa án tại phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Căn cứ vào các Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Th. Buộc anh Nguyễn Văn M phải trả cho chị Bùi Thị Th số tiền nợ gốc vay mà anh Nguyễn Văn M còn nợ của chị Bùi Thị Th là: 431.800.000 (Bốn trăm ba mươi một triệu tám trăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn M phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Xét tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án và tại thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn M có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Định Trạch, xã Liên Bảo, huyện V, tỉnh Nam Định. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và xét xử sơ thẩm vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án: Xét chị Bùi Thị Th khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn M trả nợ cho chị Th khoản tiền gốc vay mà anh M còn nợ của chị Th theo các hợp đồng vay tiền mà chị Th và anh M đã ký kết với nhau. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần thông báo và triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn M là bị đơn trong vụ án đến Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng anh M đều vắng mặt, không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được; tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh M lần thứ hai nhưng anh M vẫn vắng mặt, không có lý do chính đáng. Do đó, căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án.

[4]. Về nội dung vụ án:

[4.1]. Về số tiền chị Bùi Thị Th đã cho anh Nguyễn Văn M vay: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Hợp đồng cho vay tiền lập ngày 05-12-2018; Hợp đồng cho vay tiền lập ngày 05-9-2019; Bảng sao kê tài khoản ngày 15-6-2022 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam - Phòng giao dịch V - Chi nhánh Nam Định và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy từ ngày 05-12-2018 đến ngày 25-12-2020, chị Bùi Thị Th đã 10 lần cho anh Nguyễn Văn M vay tiền, với tổng số tiền là: 456.000.000đ (Bốn trăm năm mươi sáu triệu đồng), cụ thể các lần chị Th đã cho anh M vay như sau:

Ngày 05-12-2018, số tiền là: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), thời hạn cho vay từ ngày 05-12-2018 đến ngày 05-12-2019.

Ngày 05-9-2019, số tiền là: 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), thời hạn cho vay từ ngày 05-12-2019 đến ngày 05-10-2019.

Và 08 lần chị Th đã dùng tài khoản số 13001015759596 của mình chuyển khoản tiền vào tài khoản số 13068015996666 của anh M, cụ thể như sau: Ngày 13-11-2020, số tiền là: 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng). Ngày 14-11-2020, số tiền là: 9.000.000đ (Chín triệu đồng). Ngày 16-11-2020, số tiền là: 25.000.000đ (Hai mươi năm triệu đồng). Ngày 29-11-2020, số tiền là: 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Ngày 04-12-2020, số tiền là: 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Ngày 16-12-2020, số tiền là: 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 23-12-2020, số tiền là: 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Ngày 25-12-2020, số tiền là: 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

[4.2]. Về lãi suất: Xét trong tất cả các Hợp đồng cho vay tiền mà chị Th và anh M đã ký kết với nhau thì thấy hai bên không có thỏa thuận gì về lãi suất; ngoài ra thì trong suốt quá trình tham gia tố tụng chị Th cũng xác định chị cho anh M vay tiền không có lãi suất và chị cũng không có yêu cầu đề nghị gì về tiền lãi suất. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4.3]. Về việc thực hiện hợp đồng: Xét trong quá trình thực hiện các hợp đồng vay tiền nêu trên thì anh M đã 08 lần chuyển khoản tiền vào tài khoản của chị Th để trả nợ cho chị Th được tổng số tiền là: 24.200.000đ (Hai mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng), cụ thể các lần anh M đã chuyển khoản trả nợ cho chị Th như sau: Ngày 22-11-2020, số tiền là: 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Ngày 26-11-2020, số tiền là: 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Ngày 28-11-2020, số tiền là: 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Ngày 02-12-2020, số tiền là: 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Ngày 7-12-2020, số tiền là: 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Ngày 16-12-2020, số tiền là: 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Ngày 18-12-2020, số tiền là: 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng). Ngày 25-12-2020, số tiền là: 1.000.000đ (Một triệu đồng).

[4.4]. Về số tiền anh Nguyễn Văn M còn nợ của chị Bùi Thị Th: Xét trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tiền thì anh M đã trả cho chị Th được tổng số tiền là: 24.200.000đ (Hai mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng). Như vậy tính đến nay, anh M còn nợ của chị Th số tiền gốc vay là: 431.800.000 (Bốn trăm ba mươi một triệu tám trăm nghìn đồng).

[4.5]. Về nguồn gốc của số tiền chị Bùi Thị Th đã cho anh Nguyễn Văn M vay và tư cách tố tụng của chồng chị Th, của vợ anh M: Xét trong suốt quá trình tham gia tố tụng chị Th đều xác định số tiền chị cho anh M vay là tiền của cá nhân chị, chồng của chị không có liên quan gì đến số tiền đó và việc chị cho anh M vay tiền là cho cá nhân anh M vay, chứ chị không cho vợ của anh M vay nên vợ của anh M không có liên quan gì đến số tiền anh M vay và còn nợ của chị. Vì vậy, nguồn gốc của số tiền chị Th đã cho anh M vay được xác định

là tiền của cá nhân chị Th. Do đó, chồng của chị Th và vợ của anh M không có liên quan gì đến vụ án này. Nên, Hội đồng xét xử không xác định chồng của chị Th và vợ của anh M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[4.6]. Về yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Th: Căn cứ vào Hợp đồng cho vay tiền lập ngày 05-12-2018; Hợp đồng cho vay tiền lập ngày 05-9-2019; Bảng sao kê tài khoản ngày 15-6-2022 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam - Phòng giao dịch V - Chi nhánh Nam Định và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Bùi Thị Th khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn M trả nợ cho chị Th khoản tiền gốc vay mà anh M còn nợ của chị Th, với số tiền là: 431.800.000đ (Bốn trăm ba mươi một triệu tám trăm nghìn đồng) là hoàn toàn có căn cứ; ngoài ra thì tính đến thời điểm mà chị Th khởi kiện thì các hợp đồng vay tiền mà chị Th và anh M đã ký kết với nhau đều đã quá hạn trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Th và buộc anh Nguyễn Văn M phải trả nợ cho chị Bùi Thị Th khoản tiền gốc vay anh M còn nợ của chị Th với số tiền là: 431.800.000đ (Bốn trăm ba mươi một triệu tám trăm nghìn đồng) là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự.

[4.7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Th được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên chị Th không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Th số tiền chị Th đã nộp tạm ứng án phí. Buộc anh Nguyễn Văn M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 20.000.000đ + $(31.800.000đ \times 4\%) = 21.272.000$ đồng.

[4.8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 280, 351, 352, 357, 398, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Th về việc chị Bùi Thị Th khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn M trả nợ cho chị Bùi Thị Th khoản tiền gốc vay anh Nguyễn Văn M còn nợ của chị Bùi Thị Th, số tiền là: 431.800.000đ (Bốn trăm ba mươi một triệu tám trăm nghìn đồng).

2. Buộc anh Nguyễn Văn M phải có trách nhiệm trả nợ cho chị Bùi Thị Th số tiền gốc vay anh Nguyễn Văn M còn nợ của chị Bùi Thị Th số tiền là: 431.800.000đ (Bốn trăm ba mươi một triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Nguyễn Văn M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 21.272.000đ (Hai mươi một triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị Th số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng), chị Bùi Thị Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001576 ngày 09-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Th có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn M vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Quân

